**LUẬT BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CỦA NHẬT BẢN (BẢN DỊCH)**

Phần 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Chương 1.  Những nguyên tắc căn bản

(Mục đích)

Điều 1. Luật này qui định quyền tác giả và quyền liên quan đối với tác phẩm cũng như cuộc biểu diễn, bản ghi âm, phát sóng hoặc truyền đạt bằng phương tiện hữu tuyến, quan tâm chú ý đến việc sử dụng khai thác các tài sản văn hóa này một cách công bình hợp lý để có thể bảo vệ quyền lợi của tác giả.v.v…nhằm đóng góp vào sự phát triển văn hóa.

(Định nghĩa）

Điều 2. Trong Luật này, thuật ngữ sử dụng trong các điều khoản được giải thích theo các điểm sau đây.

1. Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo biểu hiện tư tưởng tình cảm thuộc thể loại văn học nghệ thuật, nghiên cứu khoa học, nghệ thuật hoặc âm nhạc.

2. Tác giả là người sáng tác ra tác phẩm.

3. Biểu diễn là thể hiện một tác phẩm trên sân khấu bằng kịch, múa, hát, diễn tấu âm nhạc, ngâm đọc hoặc bằng các phương pháp trình diễn khác (bao gồm các hành vi tương tự dù không phải là diễn xuất nhưng mang tính chất nghệ thuật giải trí).

4. Người biểu diễn là diễn viên, diễn viên múa, nghệ sĩ trình tấu âm nhạc, ca sĩ, hoặc các loại biểu diễn khác cũng như người điều khiển, đạo diễn của cuộc biểu diễn.

5. Bản ghi âm là vật thể trên đó âm thanh được định hình như đĩa, băng thu âm hoặc các dạng bản ghi khác (không bao gồm các âm thanh được ghi kèm theo các tác phẩm có mục đích sử dụng chủ yếu là hình ảnh).

6. Người sản xuất bản ghi âm là người đầu tiên định hình âm thanh trên bản ghi âm.

7. Bản ghi âm thương mại là các bản ghi âm sao chép được sản xuất với mục đích thương mại.

7.2 Truyền tải đến công chúng là sự truyền đạt trực tiếp đến công chúng qua vô tuyến viễn thông hoặc hữu tuyến (không kể đến trường hợp phát tin (trừ việc chuyển tin các chương trình máy tính) bằng thiết bị viễn thông có một bộ phận lắp đặt trong cùng tòa nhà với bộ phận thiết bị khác (trường hợp tòa nhà có hơn 2 người sở hữu thì nằm trong khu vực thuộc sở hữu của 1 người).

8. Phát sóng là một bộ phận của truyền tải đến công chúng bằng phương pháp viễn thông vô tuyến có mục đích chuyển tải cùng một nội dung và cùng một lúc đến công chúng.

9. Người phát sóng là người có nghề nghiệp là công việc phát sóng.

9.2 Truyền tải hữu tuyến là một bộ phận của truyền tải đến công chúng bằng phương pháp viễn thông hữu tuyến có mục đích chuyển tải cùng một nội dung và cùng một lúc đến công chúng.

9.3 Người truyền tải hữu tuyến là người có nghề nghiệp là công việc truyền tải hữu tuyến.

9.4 Truyền tải tự động đến công chúng là một bộ phận của truyền tải đến công chúng nhằm tự động đáp ứng nhu cầu của công chúng (trừ các trường hợp thuộc lĩnh vực phát sóng hoặc truyền tải hữu tuyến).

9.5 Thông tin hóa là truyền tải tự động đến công chúng theo một trong các phương pháp sau đây:

a. Ghi nhập thông tin vào môi thể truyền tải đến công chúng (loại môi thể sao chép chuyển tin tự động có kết nối vào đường dây viễn thông đến công chúng mà trong điểm này cũng như điểm 1, khoản 1, điều 47.5 gọi là 「bộ nhớ truyền tải công chúng」, hoặc là thiết bị có chức năng truyền tải tự động đến công chúng các thông tin được nhập liệu vào các thiết bị kể trên; thuật ngữ này được áp dụng tương tự sau đây) của máy chủ trao đổi thông tin tự động có kết nối vào đường dây viễn thông; hoặc nhập thêm hoặc thay đổi thành bộ nhớ truyền tải công chúng của máy chủ trao đổi thông tin tự động; hoặc nhập liệu thông tin vào máy chủ trao đổi thông tin tự động.

b. Kết nối máy chủ trao đổi thông tin tự động có các thông tin được ghi nhập vào bộ nhớ truyền tải công chúng hoặc được ghi thẳng trên máy chủ vào đường dây viễn thông cung cấp thông tin công chúng (trong trường hợp kết nối bởi một chuỗi thao tác liên quan như nối dây, khởi động thiết bị truyền đạt thông tin công chúng tự 6 động, khởi động chương trình máy tính thu nhận thông tin thì sẽ đề cập đến thao tác cuối cùng trong chuỗi).

10. Người sản suất điện ảnh là người phát sinh ý tưởng và có trách nhiệm đối với việc sản xuất tác phẩm điện ảnh.

10.2 Chương trình máy tính là biểu hiện của một tập hợp lệnh khiến cho máy tính có chức năng tạo nên được một kết quả.

10.3 Kho dữ liệu là các tập hợp sắp xếp có hệ thống các loại thông tin như bài viết, con số, hình vẽ có thể tra cứu được bằng máy tính.

11. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm biên dịch, hòa âm phối khí, hoặc cải biên, viết thành kịch, điện ảnh hóa, hoặc là một sáng tác chuyển thể từ một tác phẩm đã có.

12. Tác phẩm đồng tác giả là tác phẩm được sáng tác bởi hai người hoặc nhiều hơn, và nếu tách riêng theo từng phần đóng góp của mỗi người thì không thể sử dụng được.

13. Ghi âm là định hình âm thanh trên một vật thể, hoặc là sao chép vật thể định hình âm thanh đó.

14. Ghi hình là định hình hình ảnh liên tục trên một vật thể, hoặc là sao chép vật thể định hình hình ảnh đó.

15. Sao chép là tái sản xuất một cách hữu hình bằng các phương pháp như in ấn, chụp ảnh, sao chụp, ghi âm, ghi hình và bao gồm các hành vi sau đây:

a. Ghi âm hoặc ghi hình cuộc biểu diễn, phát sóng hoặc truyền tải hữu tuyến một vở kịch hoặc là các tác phẩm cùng thể loại.

b. Đối với một tác phẩm kiến trúc thì đó là việc dựa vào bản vẽ để hoàn thành một công trình kiến trúc.

16. Diễn kịch là trình diễn một tác phẩm bằng phương pháp không trình tấu âm nhạc (“trình tấu âm nhạc” bao gồm biểu diễn ca hát; thuật ngữ này được áp dụng một cách tương tự sau đây).

17. Trình chiếu là chiếu hình ảnh của tác phẩm (không kể các thông tin truyền tải công chúng) lên màn hình hoặc các vật thể khác bao gồm việc phát ra các âm thanh được định hình kèm theo tác phẩm điện ảnh đó.

18. Kể chuyện là truyền đạt bằng miệng nội dung tác phẩm như ngâm đọc hoặc phương pháp khác (không bao gồm diễn kịch).

19. Phân phối là chuyển giao hoặc cho vay mượn các bản sao đến công chúng bất kể miễn phí hoặc có phí bao gồm việc chuyển giao hoặc cho vay mượn các bản sao của tác phẩm điện ảnh với mục đích cho công chúng xem tác phẩm điện ảnh đó.

20. Biện pháp bảo hộ mang tính kỹ thuật là biện pháp (không kể các biện pháp thi hành vì không tuân thủ ý kiến của người sở hữu các loại quyền tác giả) ngăn chận, đề phòng (Ngăn chận các hành vi gây ra các hậu quả thiệt hại đáng kể vì xâm phạm quyền tác giả. Giống như hành vi nêu trong điểm 2, khoản 1, điều 30.) hành vi xâm phạm quyền nhân thân, quyền tác giả qui định tại khoản 1, điều 17 hoặc quyền nhân thân người biểu diễn qui định tại khoản 1, điều 89 hoặc quyền liên quan quyền tác giả qui định tại khoản 6, điều 89 (sau đây trong điểm này cũng như trong điểm 2, khoản 1, điều 30; điểm 1, điều 120.2 gọi là 「các loại quyền tác giả) bằng phương pháp điện tử, từ tính hoặc các phương pháp mà giác quan con người không thể nhận biết được (được gọi là 「phương pháp điện từ」 trong điểm kế tiếp) để ghi kèm theo vào bộ nhớ, hoặc truyền tải kèm theo các tín hiệu gây phản ứng đặc biệt đến các thiết bị sử dụng (bao gồm hành vi được xem là xâm phạm quyền nhân thân tác giả, quyền nhân thân người biểu diễn trong trường hợp không được sự đồng ý của tác giả hoặc người biểu diễn) tác 8 phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng, truyền tải hữu tuyến (trong điểm kế tiếp gọi là 「các loại tác phẩm」); hoặc chuyển đổi tín hiệu âm thanh, hình ảnh liên quan đến tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng, truyền tải hữu tuyến để ghi vào bộ nhớ hoặc truyền tải khiến cho thiết bị khi sử dụng cần phải chuyển đổi tín hiệu đó.

21. Thông tin quản lý quyền là thông tin liên quan đến quyền nhân thân tác giả, quyền tác giả được qui định tại khoản 1, điều 17 hoặc các quyền được qui từ khoản 1 đến khoản 4, điều 89 (sau đây trong điểm này gọi là 「các loại quyền tác giả」), tương ứng với một trong các yếu tố từ a. đến c. sau đây dựa theo phương pháp điện từ để ghi kèm theo vào bộ nhớ hoặc truyền tải kèm theo tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng hoặc truyền tải hữu tuyến (không kể đến các loại thông tin không được dùng để xác định tình trạng sử dụng các loại tác phẩm, hoặc quản lý các loại thủ tục cấp phép sử dụng khai thác tác phẩm (chỉ dành cho máy tính điện tử).).

a. Thông tin xác định các loại tác phẩm, chủ sở hữu các loại quyền và các nội dung liên quan đến pháp lệnh nhà nước.

b. Thông tin liên quan đến phương pháp và điều kiện sử dụng trong thủ tục cấp phép khai thác các loại tác phẩm.

c. Thông tin dùng đối chiếu với các thông tin khác để xác định các nội dung nêu trong a. hoặc b.

22. Trong nước là nơi Luật này ban hành.

23. Nước ngoài là khu vực ngoài nơi ban hành Luật này.

２. 「Tác phẩm nghệ thuật」 trong Luật này bao gồm hàng mỹ nghệ.

３. 「Tác phẩm điện ảnh」 trong Luật này bao gồm tác phẩm được định hình trên vật thể, mang lại hiệu quả thị giác hoặc nghe nhìn tương tự hiệu quả của điện ảnh.

４. 「Tác phẩm nhiếp ảnh」 trong Luật này bao gồm tác phẩm thể hiện bằng phương pháp tương tự phương pháp chế tạo trong nhiếp ảnh.

５. 「Công chúng」 trong Luật này bao gồm khối người đặc biệt có số lượng lớn.

６. 「Pháp nhân」 trong Luật này bao gồm các đoàn thể, tổ chức không có tư cách pháp nhân và có người quản lý hoặc đại diện.

７ .「Diễn kịch」, 「Trình tấu」 hoặc 「Kể chuyện」 trong Luật này bao gồm việc thu âm thu hình và phát lại (ngoại trừ việc truyền tải đến công chúng hoặc trình chiếu), cũng như truyền đạt bằng các thiết bị viễn thông (ngoại trừ việc truyền tải đến công chúng) nội dung tác phẩm diễn kịch, trình tấu hoặc kể chuyện.

８. 「Cho vay mượn」 trong Luật này bao gồm hành vi tương đương việc cấp quyền sử dụng bất kể dưới danh nghĩa hoặc phương pháp nào.

９. Trong Luật này bao gồm trường hợp sử dụng các thuật ngữ nêu tại điểm 7.2, điểm 8, điểm 9.2, 9.4, 9.5 hoặc từ điểm 13 đến điểm 19, hoặc tại hai khoản trước làm từ gốc.

**Nguồn:**

## <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2017/03/17/luat-ban-quyen-tc-gia-cua-nhat-ban-ban-dich-trn-cov-gov-vn/>

*Bài viết được đăng tải nhằm mục đích phổ biến, tuyên truyền pháp luật không nhằm mục đích thương mại. Độc giả sử dụng bài viết phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.*

*Thông tin trong bài viết chỉ có giá trị tham khảo, do đó, độc giả cần tham khảo ý kiến chuyên gia, luật sư trước khi áp dụng vào thực tế.*